

NGHIÊN CỨU TÁC DỤNG CỦA CÚC TẦN TRONG ĐIỀU TRỊ BỆNH CẢM VI RÚT

NGUYỄN VĂN TOẠI - Đại học Y Hà Nội

ĐẶT VẤN ĐỀ

Dựa vào các kinh nghiệm của y học cổ truyền, vào kết quả nghiên cứu thực nghiệm của Viện Dược liệu Bộ Y Tế, các tác giả cho rằng Cúc Tần có tác dụng hạ sốt, giảm đau và chống viêm, đem áp dụng nghiên cứu lâm sàng để điều trị chứng bệnh cảm sốt do vi rút bằng viên Cúc tần.

PHƯƠNG PHÁP VÀ CHẤT LIỆU NGHIÊN CỨU

1. Phương pháp nghiên cứu.

So sánh giữa 2 nhóm dùng viên Cúc tần và paracetamol. Mỗi nhóm 50 bệnh nhân. Dùng thuật toán khi bình phương để kiểm định kết quả so sánh.

2. Đối tượng và tiêu chuẩn chọn.

Là các bệnh nhân được chẩn đoán là sốt do vi rút (cảm sốt, cảm cúm) loại trừ các nguyên nhân nhiễm khuẩn khác kèm theo các dấu hiệu phụ khác như: đau đầu, đau mỏi khắp người, hắt hơi, sổ mũi, chảy nước mũi, gai rét có thể đau bụng, buồn nôn hoặc không.

Được phân loại lâm sàng như sau:

- Theo mức độ nặng nhẹ.

Sốt nặng: $t^{\circ} > 39^{\circ}5$ li bi, mệt mỏi, đau đầu, không làm việc được, có thể sổ mũi, hắt hơi, gai rét, hoặc không.

Sốt vừa: t° từ $38^{\circ}5 - 39^{\circ}5$, đau đầu, đau khắp người, có thể hắt hơi, sổ mũi, gai rét hoặc không.

Sốt nhẹ: $t^{\circ} < 38^{\circ}5$ - đau đầu, đau người, vẫn làm việc được.

3. Cách điều trị và theo dõi:

- Điều trị:

+ Nhóm dùng viên Cúc tần (viên 0,25g)

Người lớn uống 10 - 12 viên/24 giờ chia 2 lần.

Trẻ em uống 6 - 8 viên/24 giờ chia 2 lần

+ Nhóm dùng paracetamol (viên 0,3 g)

Người lớn uống 1 - 2 viên/24 giờ chia 2 lần.

Trẻ em uống 0,5 - 1 viên/24 giờ chia 2 lần.

- Theo dõi: nhiệt độ sáng chiều hàng ngày.

Các triệu chứng khác kèm theo: sốt đau đầu, đau mình mẩy, tình trạng toàn thân, mất nước, rối loạn tiêu hoá.

Theo dõi tác dụng phụ và tai biến của thuốc như: phát ban, mẩn ngứa, buồn nôn.

4. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả

- Loại A: Hết sốt sau hai ngày điều trị và hết các triệu chứng đau mỏi và các triệu chứng lâm sàng khác.

- Loại B: Sốt giảm nhiều sau hai ngày điều trị, các triệu chứng lâm sàng như đau đầu, đau mình v.v... đỡ nhiều.

- Loại C: Sốt không giảm, các triệu chứng lâm sàng cải thiện không đáng kể.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Kết quả chung:

Phân loại	A	B	C
Cúc tần (n = 50)	20 (40%)	20 (40%)	0 (0%)
Paracetamol (n = 50)	2 (4%)	20 (40%)	0 (0%)
P	< 0,001		

Kết quả cho thấy số bệnh nhân có kết quả (A + B) nhóm dùng viên cúc tần cao hơn nhóm dùng Paracetamol. Kiểm định cho thấy nhận xét này có ý nghĩa thống kê với P < 0,001.

2. Kết quả theo giới tính riêng cho nhóm hàng cúc tần:

Phân loại	A	B	C
Nam (n = 18)	7 (44,44%)	8 (44,44%)	3 (16,67%)
Nữ (n = 32)	14 (43,75%)	10 (31,25%)	8 (25%)
P	< 0,001		

Trên lâm sàng thấy tỷ lệ có kết quả (A+B) ở nam giới cao hơn ở nữ giới, sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê với trị số khi bình phương ứng với P>0,05. Cho thấy tác dụng của thuốc như nhau ở cả 2 giới.

3. Kết quả theo lứa tuổi riêng cho nhóm cúc tần

Phân loại	A	B	C
Nhóm > 15 (n=32)	16 (50 %)	10 (31,25 %)	6 (18,25 %)
Nhóm < 15 (n=18)	4 (22,22%)	10 (55,56 %)	4 (22,22 %)
P	< 0,05		

Trên lâm sàng tỷ lệ có kết quả (A + B) nhóm trên 15 tuổi cao hơn nhóm dưới 15 tuổi. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với trị số kiểm định khi bình phương ứng với P < 0,05.

4. Kết quả theo mức độ nặng nhẹ riêng cho nhóm dùng cúc tần

Phân loại	A	B	C
Nặng (n = 19)	4 (21,05 %)	9 (47,37 %)	6 (31,58 %)
Vừa (n = 21)	10 (47,61 %)	8 (38,09 %)	3 (14,30 %)
Nhe (n = 10)	6 (60 %)	3 (30%)	1 (10 %)
P	> 0,05		

Trên lâm sàng thấy tỷ lệ có kết quả (A + B) cao nhất ở loại nhẹ 90% thấp nhất ở loại nặng 68,42%. Sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê với giá trị của khi bình phương ứng với P > 0,05.

5. Kết quả theo thời gian mắc bệnh riêng cho lô dùng cúc tần.

Phân loại	A	B	C
Nhóm I (n = 15)	7 (44,66 %)	3 (20 %)	5 (33,34 %)
Nhóm II (n = 18)	4 (22,22 %)	12 (66,66 %)	2 (11,12%)
Nhóm III (n = 17)	9 (52,94 %)	5 (29,41 %)	3 (17,65 %)
P	> 0,05		

Trên lâm sàng tỷ lệ có kết quả (A+B) cao nhất nhóm II, thấp nhất ở nhóm I, sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê với trị số khi bình phương ứng với P>0,05.

6. Một số tác dụng phụ của thuốc:

	Trước lúc uống thuốc	Sau lúc uống thuốc
Mạch	Tăng 50/50	Về bình thường 50/50
Phát ban	5/50	(-)
Nôn	2/50	(-)
Chướng bụng	(-)	(-)
Vã mồ hôi	(-)	5/50
Ngứa	(-)	(-)

Nhận xét không thấy có tác dụng phụ do uống thuốc gây nên và không thấy xảy ra biến chứng trong tổng số 50 bệnh nhân được điều trị.

7. Nhận xét chung:

- Cúc tần có tác dụng hạ sốt có thể thay thế paracetamol trong điều trị sốt do vi rút.
- Dùng cúc tần tình trạng đau đầu, đau người giảm rõ rệt.
- Thuốc dùng có kết quả trong trường hợp nghi là sốt xuất huyết.
- Không thấy có tác dụng phụ và tai biến khi dùng cúc tần để điều trị.

KẾT LUẬN

Cúc tần là loại dược liệu rẻ tiền, dễ kiếm có tác dụng tốt trong điều trị cảm sốt (sốt do vi rút) chưa thấy có tác dụng phụ và độc tính trên lâm sàng. Cần được tiếp tục nghiên cứu để có thể sản xuất đại trà đem áp dụng rộng rãi trong lâm sàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đoàn Thị Nhu: Nghiên cứu tác dụng hạ sốt của viên Cúc tần. Tài liệu in Rôneo của Viện Dược liệu năm 1984.
2. Đỗ Tất Lợi: Cúc tần, cây thuốc và vị thuốc Việt Nam (Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật năm 1977).
3. Paracetamol - thuốc và cách sử dụng (Nhà xuất bản Y học 1973).
4. Liêu Kỳ Lộc: Chữa cảm mạo (Tạp chí Đông y số 28 năm 1962).
5. Khám và chẩn đoán sốt (hướng dẫn chẩn đoán lâm sàng - Nhà xuất bản Y học năm 1978).